

Bản án số: 12/2021/HS-ST
Ngày 21/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC - QUÂN KHU 1

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Đại úy Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm quân nhân:

Trung tá Trần Thanh Tuấn;

Thiếu tá Phan Văn Đoàn.

Thư ký phiên toà: Thiếu tá Đặng Thanh Hùng, Thư ký Toà án quân sự Khu vực - Quân khu 1.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12 tham gia phiên toà: Thiếu tá Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Khu vực - Quân khu 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Trịnh Minh T1**; sinh ngày 02/11/1980; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm N, xã C, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Văn Th (đã chết năm 2021) và bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1953; có vợ là Bùi Thị H, sinh năm 1981 và 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/8/2021 đến nay; có mặt.

2. **Đỗ Văn T2**; sinh ngày 31/8/1986; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm N, xã C, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Văn N, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953; có vợ là Trịnh Thị Thu T4, sinh năm 1989 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/8/2021 đến nay; có mặt.

3. **Lê Văn C**; sinh ngày 20/8/1987; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm N, xã K, huyện T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Điều dưỡng viên; nơi công tác: Bệnh viện A; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn T, sinh năm 1962 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1962; có vợ là Hà Thị M, sinh năm 1987 và 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/8/2021 đến nay; có mặt

4. **Trịnh Xuân H1**; sinh ngày 27/02/1977; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm N, xã C, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Văn H, sinh năm 1942 và bà Đồng Thị L, sinh năm 1946; có vợ là Hoàng Thị N, sinh năm 1979 và 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/8/2021 đến nay; có mặt.

5. **Trịnh Minh T3**; sinh ngày 21/02/1977; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm N, xã C, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: 4/QNCN, công nhân K, Phân xưởng A - Nhà máy Z127, Tổng cục C; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Văn T (đã chết năm 2021) và bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1953; có vợ là Đinh Thị N, sinh năm 1984 và 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/8/2021 đến nay; có mặt.

6. **Nguyễn Văn Q**; sinh ngày 13/5/1983; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm N, xã C, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1961; có vợ là Lê Thị V, sinh năm 1988 và 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/8/2021 đến nay; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị T5; sinh năm 1953; nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu; nơi cư trú: Xóm N, xã C, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

Người làm chứng:

1. Nguyễn Xuân H2; có mặt.
2. Trịnh Thị Thu T4; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 18/7/2021, trong khi ngồi uống nước, nói chuyện tại nhà bà Nguyễn Thị T5 ở Xóm N, xã C, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên, Trịnh Minh T1 rủ Đỗ Văn T2, Lê Văn C, Trịnh Xuân H1, Trịnh Minh T3 đánh bạc, được thua bằng tiền, T2 đi mua một bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài rồi cả nhóm đi xuống bếp ngồi trên một chiếc chiếu nhựa đã được chải sẵn và thống nhất cách thức đánh bạc là đánh ba cây, được thua bằng tiền Việt Nam, dùng bộ bài tú lơ khơ do Tình mua về, lọc bỏ đi các quân bài 10, J, Q, K, còn để lại 36 quân từ A đến 9, mỗi người chơi được chia 03 quân để tính điểm, người cao điểm nhất trong ván bài đầu tiên sẽ là người cầm chương, nếu ai có tổng điểm ba quân bài cao hơn người cầm chương sẽ là người thắng, nếu tổng điểm lớn hơn 10 thì số điểm là số hàng đơn vị, 20 điểm tính là 10 điểm, mức tiền mỗi người chơi đặt là 10.000 đồng, nếu ai cao điểm hơn thì được người cầm chương trả cho 10.000 đồng, nếu được 9 điểm hoặc 10 điểm thì sẽ được trả cho 20.000 đồng và ngược lại nếu thấp điểm hơn thì phải trả cho người cầm chương số tiền tương ứng, nếu người nào được 10 điểm cao nhất sẽ là người cầm chương ở ván tiếp theo. Trong khi chơi những người chơi có thể tham gia đặt gà với mức 10.000 đồng để ở giữa chiếu bạc, những người tham gia ai được 9 điểm hoặc 10 điểm lớn nhất thì được ăn gà, nếu không ai ăn được thì gà sẽ được giữ nguyên và những người tham gia phải tiếp tục đặt 10.000 đồng ở các ván tiếp theo cho đến khi gà được ăn. Sau khi thống nhất với nhau, các bị cáo bắt đầu đánh bạc, khoảng 15 phút sau Nguyễn Văn Q đến cùng tham gia, trong khi chơi do hết tiền nên T2 vay của C 2.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc. Trong khi các bị cáo đang đánh bạc với nhau, đến khoảng 00 giờ 05 phút ngày 19/7/2021 thì bị Công an thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bắt quả tang tiến hành thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền 9.460.000 đồng và 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 36 quân bài, thu trong người Lê Văn C 21.500.000 đồng, Trịnh Minh T3 545.000 đồng, Nguyễn Văn Q 500.000 đồng. Tổng số tiền xác định các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 32.005.000 đồng.

Ngoài ra trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 chiếc chiếu nhựa của gia đình bà Nguyễn Thị T5 các bị cáo dùng để ngồi khi đánh bạc.

Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Minh T1 khai: Tối ngày 18/7/2021, mẹ bị cáo là Nguyễn Thị T5 có làm cơm cúng tuần đầu cho bố bị cáo là Trịnh Văn Th tại nhà riêng ở Xóm N, xã C, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên. Khi ăn cơm có bị cáo, T3, T2, H1, C. Sau khi ăn cơm xong, khoảng 22 giờ ngày 18/7/2021, khi ngồi uống nước, nói chuyện bị cáo có rủ mọi người đánh bạc ăn tiền, T2 đi mua một bộ bài tú lơ khơ rồi cả nhóm đi xuống bếp ngồi trên chiếu để đánh bạc. Bị cáo và mọi người thống nhất đánh ba cây, được thua bằng tiền, sử dụng bộ bài tú lơ khơ bỏ đi các quân 10, J, Q, K, để lại 36 quân từ A đến 9, mỗi người chơi

được chia 03 quân để tính điểm, nếu ai điểm cao hơn người cầm chương sẽ là người thắng, mức tiền đặt mỗi ván là 10.000 đồng, nếu ai cao điểm hơn thì được người cầm chương trả cho 10.000 đồng, nếu được 9 điểm hoặc 10 điểm thì được trả 20.000 đồng và ngược lại nếu thấp điểm hơn thì phải trả cho người cầm chương số tiền tương tự, nếu trong ván bài ai được 10 điểm cao nhất sẽ là người cầm chương ở ván tiếp theo. Trong khi chơi có thể tham gia đặt gà với mức 10.000 đồng, nếu ai được 9 điểm hoặc 10 điểm lớn nhất thì được ăn gà, nếu không có thì gà sẽ được giữ nguyên và những người tham gia đặt gà phải tiếp tục đặt 10.000 đồng ở các ván tiếp theo cho đến khi gà được ăn. Sau đó bị cáo và mọi người bắt đầu đánh bạc, T2 là người chia bài và C là người cầm chương đầu tiên, khoảng 15 phút sau Q đến tham gia đánh bạc cùng. Đến khoảng 00 giờ 05 phút ngày 19/7/2021, thì bị Công an bắt quả tang lập biên bản thu giữ trên chiếu bạc số tiền 9.460.000 đồng, thu trong ví để trong túi quần của C 21.500.000 đồng, thu trong túi quần của T3 545.000 đồng, thu trong túi quần của Q 500.000 đồng và 36 quân bài đã dùng để đánh bạc. Bị cáo có 900.000 đồng dùng để đánh bạc, khi bị bắt bị cáo đang thắng nên bị thu giữ tổng số tiền 1.690.000 đồng để trên chiếu trước mặt.

Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Văn T2 khai: Lời khai của bị cáo T1 là đúng sự thật, sau khi ăn cơm xong anh T1 có rủ đánh bài ăn tiền, bị cáo đi mua một bộ bài tú lơ khơ rồi cả nhóm xuống bếp đánh ba cây ăn tiền. Khi bắt đầu chơi bị cáo là người chia bài đầu tiên để xác định người cầm chương, được khoảng 15 phút thì Q sang tham gia đánh bạc cùng. Đến khoảng 00 giờ 05 phút ngày 19/7/2021, thì bị Công an bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền 9.460.000 đồng và tiền trên người mọi người, thu giữ 01 bộ bài tú lơ khơ dùng để đánh bạc. Trước khi tham gia đánh bạc bị cáo có 400.000 đồng, khi chơi bị cáo thua hết số tiền nên có vay của C 2.000.000 đồng rồi dùng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, khi bị bắt bị cáo bị thu giữ 2.200.000 đồng để trên chiếu trước mặt.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn C khai: Lời khai của T1, T2 là đúng sự thật. Tối ngày 18/7/2021, bà T5 có mời bị cáo đến gia đình ăn cơm và thanh toán tiền thuốc điều trị cho ông Th tại gia đình trước khi chết số tiền 21.500.000 đồng. Sau khi ăn cơm xong, do trước đó có uống rượu nên T1 nói bị cáo không về nữa mà nghỉ tại nhà bà T5, trong khi nói chuyện T1 rủ đánh bài ăn tiền, sau đó cả nhóm xuống bếp nhà bà T5 ngồi trên chiếu nhựa đã chải sẵn bắt đầu đánh bạc, về cách thức, mức tiền mỗi ván chơi đúng như T1 đã khai. Khi bắt đầu đánh bạc, bị cáo là người cầm chương đầu tiên, chơi được khoảng 15 phút thì Q vào đánh bạc cùng. Đến khoảng 00 giờ 05 phút ngày 19/7/2021, thì bị Công an bắt quả tang lập biên bản thu giữ trên chiếu bạc 9.460.000 đồng. Trước khi đi bị cáo có khoảng hơn 5.000.000 đồng, sau đó bà T5 trả 21.500.000 đồng, khi chơi bị cáo có cho T2 vay 2.000.000 đồng nhưng không lấy lãi, khi bị bắt bị cáo bị thu giữ 1.090.000 đồng để trên chiếu trước mặt và số tiền 21.500.000 đồng bà T5 trả để ở trong ví đựng trong túi quần. Bị cáo xác định, nếu hết tiền để ở trên chiếu cũng sẽ sử dụng số tiền 21.500.000 đồng này để đánh bạc.

Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Xuân H1 khai: Lời khai của các bị cáo T1, T2, C là đúng sự thật. Tối ngày 18/7/2021 bị cáo cùng T1, T2, C, T3, Q đánh ba cây ăn tiền tại bếp nhà bà T5. Đến khoảng 00 giờ 05 phút ngày 19/7/2021, thì bị Công an bắt quả tang lập biên bản thu giữ trên chiếu bạc 9.460.000 đồng và tiền trên người một số người. Trước khi tham gia đánh bạc, bị cáo có khoảng 2.300.000 đồng và dùng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, khi bị bắt bị cáo bị thu giữ 2.040.000 đồng để trên chiếu trước mặt.

Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Minh T3 khai: Lời khai của các bị cáo T1, T2, C, H1 là đúng sự thật. Tối ngày 18/7/2021 bị cáo cùng H, T2, C, T1, Q đánh bài dưới hình thức đánh ba cây ăn tiền, Q là người tham gia sau cùng. Đến khoảng 00 giờ 05 phút ngày 19/7/2021, thì bị Công an bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc 9.460.000 đồng và tiền trên người một số người. Trước khi tham gia đánh bạc, bị cáo có 185.000 đồng dùng để đánh bạc. Khi bị bắt bị cáo bị thu giữ 1.020.000 đồng để trên chiếu trước mặt và 545.000 đồng là tiền thắng bạc để trong túi quần.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Q khai: Lời khai của các bị cáo T1, T2, C, H1, T3 là đúng sự thật. Tối ngày 18/7/2021, bị cáo sang nhà bà T5 thì thấy T1, T2, C, H1, T3 đang đánh ba cây ăn tiền tại bếp nên xin vào chơi cùng. Đến khoảng 00 giờ 05 phút ngày 19/7/2021, thì bị Công an bắt quả tang thu giữ tiền trên chiếu bạc và tiền trong người của những người chơi. Trước khi tham gia đánh bạc, bị cáo có 1.000.000 đồng dùng để đánh bạc, khi chơi bị cáo bỏ ra 500.000 đồng để trước mặt, còn 500.000 đồng để trong túi quần. Khi bị bắt bị cáo bị thu giữ 1.140.000 đồng để trên chiếu trước mặt và 500.000 đồng để trong túi quần là tiền dùng để đánh bạc.

Tại phiên tòa người làm chứng Trịnh Thị Thu T4 khai: Tối ngày 18/7/2021, tôi sang nhà mẹ đẻ tôi là Nguyễn Thị T5 để làm cơm cúng tuần đầu cho bố tôi là Trịnh Văn Th và thanh toán tiền thuốc cho anh C 21.500.000 đồng. Đến khoảng gần 24 giờ tôi dậy thắp hương thì thấy anh T1, T2, H1, T3, C, Q đang ngồi đánh bài và có tiền trên chiếu, tôi nhắc mọi người không chơi nữa nghỉ ngơi để mai đi làm nhưng mọi người vẫn tiếp tục chơi, tôi xem mọi người đánh bài vài phút thì có cơ quan Công an vào bắt quả tang thu trên chiếu 9.460.000 đồng, thu trên người anh T3 545.000 đồng, anh Q 500.000 đồng, anh C 21.500.000 đồng và thu 36 quân bài, tôi không thấy ai bỏ chạy.

Tại phiên tòa người làm chứng Nguyễn Xuân H2 khai: Tôi được tổ công tác của công an thành phố Thái Nguyên mời chứng kiến việc bắt quả tang 06 người đánh bạc tại nhà bà Nguyễn Thị T5, tôi thấy quá trình làm việc tổ công tác làm việc khách quan, đúng sự thật, số tiền kiểm đếm của từng người cụ thể, rõ ràng, công khai.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị T5 khai: Tối ngày 18/7/2021, tôi có làm cơm cúng tuần đầu cho chồng tôi tại gia đình và thanh toán tiền thuốc, tiền công cho Công số tiền 21.500.000 đồng. Khoảng 24 giờ, khi tôi đang ngủ ở nhà trên thì công an vào kiểm tra. Trước khi cơ

quan công an vào kiểm tra thì tôi ngủ nên không biết việc mọi người đánh bạc. Quá trình điều tra có thu giữ của gia đình tôi 01 chiếc chiếu nhựa, do chiếc chiếu đã cũ nên tôi không đề nghị nhận lại.

Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên lập hồi 00 giờ 05 phút ngày 19/7/2021 xác định: Vào khoảng 23 giờ 45 phút ngày 18/7/2021, phát hiện 06 đối tượng gồm Trịnh Minh T1, Đỗ Văn T2, Lê Văn C, Trịnh Xuân H1, Trịnh Minh T3, Nguyễn Văn Q đang thực hiện hành vi đánh bạc tại bếp của gia đình bà Nguyễn Thị T5 ở Xóm N, xã C, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên. Tài liệu đồ vật, tạm giữ gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân bài, số tiền 280.000 đồng tại giữa chiếu bạc, 2.040.000 đồng trên chiếu trước mặt của Trịnh Xuân H1, 1.090.000 đồng trên chiếu trước mặt và 21.500.000 đồng trong ví để ở túi quần của Lê Văn C, 1.690.000 đồng trên chiếu trước mặt của Trịnh Minh T1, 2.200.000 đồng trên chiếu trước mặt của Đỗ Văn T2, 1.020.000 đồng trên chiếu trước mặt và 545.000 đồng trong túi quần của Trịnh Minh T3, 1.140.000 đồng trên chiếu trước mặt và 500.000 đồng trong túi quần của Nguyễn Văn Q.

Sơ đồ hiện trường lập ngày 19/7/2021 tại Xóm N, xã C, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên xác định: Vị trí ngôi đánh bạc của 06 bị cáo thành vòng tròn trong khu bếp nhà bà T5, ngôi gần cửa vào bếp là Trịnh Xuân H1, bên tay trái H1 là Lê Văn C, bên tay trái Công là Trịnh Minh T1, bên tay trái Tuấn là Đỗ Văn T2, bên tay trái Tình là Trịnh Minh T3, bên tay trái Tiến là Nguyễn Văn Q, bên tay trái Q là H1.

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKSQSKV12 ngày 08/11/2021 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12, truy tố các bị cáo Trịnh Minh T1, Đỗ Văn T2, Lê Văn C, Trịnh Xuân H1, Trịnh Minh T3, Nguyễn Văn Q về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với các bị cáo theo Cáo trạng số 05/CT-VKSQSKV12 ngày 08/11/2021 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1, khoản 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Minh T1 từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1, khoản 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Văn T2 từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 09 tháng đến

01 năm cải tạo không giam giữ. Hàng tháng khấu trừ một phần thu nhập từ 05% = 274.000 đồng đến 07% = 384.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1, khoản 3 Điều 17; khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 31.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1, khoản 3 Điều 17; khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 BLHS đề nghị xử phạt các bị cáo: Trịnh Xuân H1 từ 31.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng, Trịnh Minh T3 từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 321; khoản 2, khoản 3 Điều 35; khoản 3 Điều 65 BLHS. Đề nghị phạt bổ sung bị cáo Trịnh Minh T1, Đỗ Văn T2 mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) đề nghị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 32.005.000 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm linh năm nghìn đồng) là số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc; tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ có 36 quân, từ quân “A” đến quân “9”, mặt sau quân bài màu đỏ là công cụ phạm tội của các bị cáo.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chiếu nhựa, kích thước 2,05 m x 1,6 m, chiếu cũ, đã qua sử dụng, nhiều màu, có hai đầu viền màu xanh không có giá trị, không sử dụng được.

Các bị cáo Trịnh Minh T1, Đỗ Văn T2, Lê Văn C, Trịnh Xuân H1, Trịnh Minh T3, Nguyễn Văn Q nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị T5 nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên, không đề nghị nhận lại chiếc chiếu đã bị thu giữ do chiếu đã cũ.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đều hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Cơ quan điều tra hình sự Khu vực - Tổng cục công nghiệp quốc phòng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại

phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX thấy các hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Bản kết luận điều tra số 01/KLĐT ngày 09/10/2021 của Cơ quan điều tra hình sự Khu vực - Tổng cục công nghiệp quốc phòng kết luận số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 10.505.000 đồng là chưa đúng, trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thông qua xét hỏi công khai và tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xác định số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc trong vụ án là 32.005.000 đồng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó HĐXX có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 22 giờ ngày 18/7/2021 đến 00 giờ 05 phút ngày 19/7/2021, các bị cáo Trịnh Minh T1, Đỗ Văn T2, Lê Văn C, Trịnh Xuân H1, Trịnh Minh T3, Nguyễn Văn Q đã có hành vi đánh bạc tại bếp nhà bà Nguyễn Thị T5 ở Xóm N, xã C, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên bằng hình thức đánh ba cây được thua bằng tiền Việt Nam đồng. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 32.005.000 đồng. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS. Do đó đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; các bị cáo Trịnh Minh T1, Trịnh Minh T3 có bố đẻ là Trịnh Văn Th là “Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, Huy hiệu toàn thắng xuân 1975” và mẹ đẻ là Nguyễn Thị T5 được tặng thưởng “Huy chương vì sự nghiệp giáo dục”; bị cáo Trịnh Xuân H1 có bố đẻ là Trịnh Văn H là “Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng nhì, Huân chương kháng chiến hạng nhì, Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp nhằm thu lợi bất chính, xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng. Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành. Bị cáo Trịnh Minh T1 là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác đánh bạc, thống nhất về cách

thức, mức tiền chơi, số tiền dùng vào việc đánh bạc là 900.000 đồng nên chịu trách nhiệm cao nhất trong vụ án; bị cáo Đỗ Văn T2 là người thực hành tích cực, đi mua bài, cùng thống nhất cách thức, mức tiền chơi, số tiền dùng vào việc đánh bạc là 2.400.000 đồng nên chịu trách nhiệm sau bị cáo T1; bị cáo Lê Văn C là người thực hành, cùng thống nhất cách thức, mức tiền chơi, cho T2 vay tiền để tiếp tục đánh bạc, số tiền dùng vào việc đánh bạc khoảng 24.500.000 đồng nên chịu trách nhiệm sau bị cáo T1, T2; bị cáo Trịnh Xuân H1 là người thực hành, cùng thống nhất cách thức, mức tiền chơi, số tiền dùng vào việc đánh bạc khoảng 2.300.000 đồng nên chịu trách nhiệm sau bị cáo T1, T2, C; bị cáo Trịnh Minh T3 là người thực hành, cùng thống nhất cách thức, mức tiền chơi, số tiền dùng vào việc đánh bạc là 185.000 đồng nên chịu trách nhiệm sau bị cáo T1, T2, C, H1; bị cáo Nguyễn Văn Q tham gia đánh bạc sau cùng, số tiền dùng vào việc đánh bạc là 1.000.000 đồng nên chịu trách nhiệm sau bị cáo T1, T2, C, H1, T3. Tuy nhiên, bị cáo Q được hưởng ít tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và số tiền dùng vào việc đánh bạc lớn hơn nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T3.

Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. HĐXX xét thấy, các bị cáo trước khi phạm tội đều có nhân thân tốt, đa số là anh em, họ hàng với nhau, việc đánh bạc là bột phát không có sự chuẩn bị từ trước, mức tiền mỗi ván chơi không lớn, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên căn cứ vào Điều 65 BLHS và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng về án treo, xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách bằng 02 lần mức hình phạt tù và áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trịnh Minh T1, Đỗ Văn T2; áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Lê Văn C; áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Trịnh Xuân H1, Trịnh Minh T3, Nguyễn Văn Q thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đồng thời cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục người phạm tội và phòng ngừa chung.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 36 quân bài một mặt quân bài màu đỏ, tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 32.005.000 đồng hiện đang lưu giữ tại Phòng T, Nhà máy Z127, Tổng cục C là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội theo biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên lập hồi 00 giờ 05 phút ngày 19/7/2021 và Biên bản làm việc, Biên bản giao nhận do Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12 lập hồi 10 giờ 30 phút và 10 giờ 45 phút ngày 02/11/2021;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chiếu nhựa, kích thước (1,6 x 2,05) m, nhiều màu xen kẽ, hai đầu màu xanh, đã qua sử dụng do không có giá trị và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị T5 không nhận lại theo Biên bản thu vật chứng do Cơ quan

điều tra hình sự Khu vực - Tổng cục công nghiệp quốc phòng lập hội 14 giờ ngày 12/10/2021.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Trịnh Minh T1, Đỗ Văn T2, Lê Văn C, Trịnh Xuân H1, Trịnh Minh T3, Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Trịnh Minh T1, Đỗ Văn T2, Lê Văn C, Trịnh Xuân H1, Trịnh Minh T3, Nguyễn Văn Q phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo **Trịnh Minh T1 01** (một) năm **02** (hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **02** (hai) năm **04** (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/12/2021) và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo **Đỗ Văn T2 10** (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (một) năm **08** (tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/12/2021) và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự;

Giao bị cáo **Trịnh Minh T1, Đỗ Văn T2** cho Ủy ban nhân dân xã C, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người bị kết án được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự;

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS xử phạt bị cáo **Lê Văn C 09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ và thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án;

Giao bị cáo **Lê Văn C** cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ;

Khấu trừ 06% = 328.000 (ba trăm hai mươi tám nghìn) đồng thu nhập hàng tháng đối với bị cáo **Lê Văn C** để sung quỹ nhà nước. Thời gian khấu trừ thu nhập kể từ ngày chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ cho đến khi chấp hành xong hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 35 BLHS xử phạt các bị cáo: **Trịnh Xuân H1 35.000.000** (ba mươi lăm triệu) đồng, **Trịnh Minh T3 30.000.000** (ba mươi triệu) đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Q 32.000.000** (ba mươi hai triệu) đồng.

Áp dụng khoản 3 Điều 321; khoản 3 Điều 65; khoản 2, khoản 3 Điều 35 BLHS phạt bổ sung các bị cáo: **Trịnh Minh T1 10.000.000** (mười triệu) đồng, **Đỗ Văn T2 10.000.000** (mười triệu) đồng;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người phải thi hành án dân sự phải tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 36 quân bài, tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 32.005.000 (ba mươi hai triệu không trăm linh lăm nghìn) đồng hiện đang lưu giữ tại Phòng T, Nhà máy Z127, Tổng cục C là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội theo biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên lập hồi 00 giờ 05 phút ngày 19/7/2021 và Biên bản làm việc, Biên bản giao nhận do Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12 lập hồi 10 giờ 30 phút và 10 giờ 45 phút ngày 02/11/2021;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chiếu nhựa do không có giá trị và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị T5 không nhận lại theo Biên bản thu vật chứng do Cơ quan điều tra hình sự Khu vực - Tổng cục công nghiệp quốc phòng lập hồi 14 giờ ngày 12/10/2021.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, các bị cáo **Trịnh Minh T1, Đỗ Văn T2, Lê Văn C, Trịnh Xuân H1, Trịnh Minh T3, Nguyễn**

Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/12/2021) các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án quân sự Quân khu 1./.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT/TAQSTW;
- Văn phòng/TAQSTW (Qlý. LLTP);
- VKSQSQK1;
- VKSQSKV12;
- PTHAQK1;
- CQĐTHSKV-TCCNQP;
- CQTHAHS Công an TP. Thái Nguyên (02b);
- CQTHAHS Công an huyện Đại Từ;
- UBND xã Tân Cương (02b);
- UBND xã An Khánh;
- Các bị cáo (06b);
- Người có QL, NVLQĐVA;
- Nhà máy Z127;
- Hồ sơ vụ án (02b);
- Lưu: Hồ sơ THAHS; K24b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đại úy Nguyễn Trung Kiên